**Luyện từ và câu**

**MRVT: TRẬT TỰ- AN NINH**

(Trang 48, 49- Sách Tiếng Việt 5- Tập 2)

**\* HS làm bài tập:**

**Bài 1: Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ trật tự?**

a)   Trạng thái bình yên, không có chiến tranh.

b)   Trạng thái yên ổn, bình lặng, không ồn ào.

c)   Tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỉ luật.

Gợi ý: Học sinh đọc kĩ từng đáp án xem mỗi đáp án này đang miêu tả trạng thái gì rồi lựa chọn.

Dòng nêu đúng nghĩa của từ trật tự:

c)   Tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỉ luật.

**Bài 2: Tìm những từ ngữ liên quan tới việc giữ gìn trật tự, an toàn giao thông có trong đoạn văn sau:**

Theo báo cáo của Phòng cảnh sát giao thông thành phố, trung bình mỗi đêm có 1 vụ tai nạn và 4 vụ va chạm giao thông. Phần lớn các tai nạn giao thông xảy ra do vi phạm quy định về tốc độ, thiết bị kém an toàn. Ngoài ra, việc lấn chiếm lòng đường, vỉa hè mở hàng quán, đổ vật liệu xây dựng cũng gây ảnh hưởng rất lớn tới trật tự và an toàn giao thông.

Theo báo AN NINH THỦ ĐÔ

Gợi ý: Học sinh đọc kĩ đoạn văn đã cho rồi sắp xếp các từ ngữ liên quan tới giữ gìn trật tự, an toàn giao thông theo ba nhóm sau:

- Lực lượng bảo vệ trật tự, an toàn giao thông: cảnh sát giao thông.

- Hiện tượng trái ngược với trật tự, an toàn giao thông: tai nạn, tai nạn giao thông, va chạm giao thông.

- Nguyên nhân gây tai nạn giao thông: vi phạm quy định tốc độ, thiết bị kém an toàn, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè.

**Bài 3: Tìm trong mẩu chuyện vui dưới đây những từ ngữ chỉ người, sự vật, sự việc liên quan đến bảo vệ trật tự, an ninh :**

**Lí do**

Hai bệnh nhân nằm chung một phòng làm quen với nhau.

Một anh nói : "Tôi là cảnh sát giữ trật tự trong trận bóng chiều qua. Trọng tài bắt tệ quá. Bọn hu-li-gân quậy phá quá chừng, khiến tôi phải vào đây. Thế còn anh, tại sao anh lại bị thương nặng như thế ?"

Anh kia băng bó khắp người, thều thào trả lời : "Tôi bị bọn càn quấy hành hung. Vì chính tôi là trọng tài trận bóng chiều qua !"

Theo TRUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI

Gợi ý:Bảo vệ trật tự, an ninh: hoạt động chống lại mọi sự xâm phạm, quấy rối để giữ yên ổn về chính trị, xã hội; giữ tình trạng ổn định, có tổ chức, kỉ luật.

- Những từ ngữ chỉ người liên quan đến trật tự, an ninh: cảnh sát, trọng tài, bọn càn quấy, bọn hu-li-gân.

- Những từ ngữ chỉ sự việc, hiện tượng liên quan đến trật tự, an ninh: giữ trật tự, quậy phá, hành hung, bị thương.

CHÚC QUÝ PHỤ HUYNH HƯỚNG DẪN CÁC EM NẮM TỐT KIẾN THỨC TRONG BÀI GIẢNG

XIN CÁM ƠN QUÝ PHỤ HUYNH